

Số 359/TTTr-STNMT

Điện Biên, ngày 9 tháng 12 năm 2019

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm định Phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng mở rộng trạm cấp nước nhà máy nước thành phố Điện Biên Phủ công suất 20.000m³/ngày đêm

Kính gửi: Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 1 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-CT ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng mở rộng trạm cấp nước nhà máy nước TP Điện Biên Phủ công suất 20.000m³/ngày đêm;

Sở Tài nguyên và Môi trường trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định giá đất cụ thể như sau:

- Đất ở tại đô thị: Đường đất dưới 3m, vị trí 1: 1.500.000 đồng/m²;
- Đất bằng trồng cây hàng năm khác, vị trí 1: 72.000 đồng/m²;
- Đất trồng cây lâu năm, vị trí 1: 84.000 đồng/m²;
- Đất nông nghiệp khác, vị trí 1: 57.600 đồng/m²;
- Đất rừng sản xuất, vị trí 1: 9.000 đồng/m²;

Đề nghị Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CCQLĐĐ, TTPTQĐ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đăng Nam

2.2. Thông tin về giá đất thị trường.

a) Thông tin về các thửa đất cần xác định giá:

- Các thửa đất cần xác định giá cụ thể nằm trên địa bàn phường Him Lam thành phố Điện Biên Phủ thuộc Mảnh trích đo, trích lục, chỉnh lý địa chính số 47-2019 do Trung tâm kỹ thuật Tài Nguyên và Môi Trường thực hiện ngày 11 tháng 7 năm 2019, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên thẩm định và phê duyệt ngày 29 tháng 7 năm 2019.

Căn cứ vào Mảnh trích đo, trích lục, chỉnh lý địa chính số 47- năm 2019 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân do UBND thành phố cấp tiến hành điều tra, khảo sát xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất của dự án Xây dựng mở rộng trạm cấp nước nhà máy nước TP Điện Biên Phủ công suất 20.000m³/ngày đêm như sau:

- Nhu cầu sử dụng đất của dự án là: 19.248,0 m² gồm 13 thửa;
- Tổng số thửa đất cần xác định giá là 13 thửa, bao gồm:
 - + Đất ở tại đô thị + đất hàng năm khác (ODT+HNK): 4 thửa;
 - + Đất bằng trồng cây hàng năm khác (bao gồm cả BHK và HNK): 01 thửa;
 - + Đất trồng cây lâu năm (CLN): 5 thửa;
 - + Đất nông nghiệp khác (NKH): 01 thửa;
 - + Đất rừng sản xuất (RSX): 02 thửa;
- Vị trí của các thửa đất xác định giá đất cụ thể của dự án là vị trí 1.

b) Tính pháp lý của thửa đất cần định giá.

Các thửa đất cần thu hồi để thực hiện dự án một số thửa đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các thửa đất còn lại do các hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sử dụng ổn định, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố Điện Biên Phủ.

3. Đánh giá tình hình, kết quả điều tra, phân tích tổng hợp thông tin

3.1. Kết quả điều tra:

Tổng số phiếu điều tra đối với 04 loại đất là 12 phiếu, trong đó:

- Đất ở tại đô thị (ODT): 3 phiếu;
- Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK): 3 phiếu;
- Đất trồng cây lâu năm (CLN): 3 phiếu;
- Đất trồng rừng sản xuất (RSX): 3 phiếu;

3.2. Tổng hợp thông tin:

a) Đối với đất ở tại đô thị:

Điều tra các giao dịch chuyển nhượng trên thị trường như sau:

STT	Bên chuyển nhượng	Bên nhận chuyển nhượng	Diện tích (m ²)	Giá trị chuyển nhượng trên hợp đồng (Đồng)	Giá trị chuyển nhượng điều tra thực tế (Đồng)	Thời điểm chuyển nhượng
1	Phạm Anh Đức	Nguyễn Cẩm Nhung	406,1	180.000.000	360.000.000	12/2018
2	Dương Ngọc Anh	Lê Đình Dũng	100,0	50.000.000	105.750.000	5/2019
3	Bùi Thị Ánh	Nguyễn Nam Hải	120,0	50.000.000	118.000.000	01/2019

b) Đối với đất nông nghiệp:

Căn cứ chi phí đầu tư vào đất, năng suất bình quân của cây trồng, giá bán bình quân các sản phẩm trên thị trường so với lãi suất tiền gửi bình quân một năm tính đến thời điểm định giá đất của loại tiền gửi (VNĐ) kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng thương mại nhà nước là 6,7% thời gian thu nhập thông tin trong 03 năm liên tục;

Qua phỏng vấn trực tiếp người dân sử dụng đất, thu thập được các thông tin trên thị trường trên địa bàn phường Him Lam như sau:

- Năng suất bình quân của rau cải bẹ trồng trên đất bằng trồng cây hàng năm là 62 tạ/ha; Giá bán bình quân trên thị trường là 11.000 đồng/kg; Chi phí bình quân năm là 2.001.133 đồng/1000m²;

- Năng suất bình quân của gỗ tạp trồng trên đất rừng sản xuất là 37 m³/ha; Giá bán bình quân trên thị trường là 330.000 đồng/m³; Chi phí bình quân năm là 600.000 đồng/1000m²;

- Năng suất bình quân của nhãn trồng trên đất trồng cây lâu năm là 64,5 tạ/ha; Giá bán bình quân trên thị trường là 14.000 đồng/kg; Chi phí bình quân năm là 3.208.000 đồng/1000m²;

4. Áp dụng phương pháp định giá đất.

- Đối với đất ở tại đô thị: Áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp.

- Đối với đất nông nghiệp: Áp dụng theo phương pháp thu nhập;

5. Kết quả xác định giá đất và đề xuất phương án giá đất cụ thể

5.1. Kết quả xác định phương án giá đất.

a) Đối với đất ở đô thị phường Him Lam:

*** Đường đất dưới 3m:**

Khảo sát thị trường thu thập được các thông tin như sau:

Thửa đất cần định giá A là thửa đất số 6, mảnh trích đo, trích lục, chỉnh lý số 47 năm 2019. Đường đất 2,5m, vị trí 1;

Thửa đất so sánh B là thửa đất số 18, TĐĐ số 84, phường Him Lam tiếp giáp đường đất 4,5m, vị trí 1;

Thửa đất so sánh C là thửa đất số 83, TĐĐ số 24, phường Him Lam tiếp giáp đường đất 2,8m, vị trí 1;

Thửa đất so sánh D là thửa đất số 152, TĐĐ số 62, phường Him Lam tiếp giáp đường đất 5m, vị trí 1;

TT	ĐẶC ĐIỂM BĐS	Thửa đất cần định giá A	Thửa đất SS B	Thửa đất SS C	Thửa đất SS D
1	Địa chỉ	Phường Him Lam	Bản Huỗi Phạ - Phường Him Lam	Bản Him Lam - Phường Him Lam	Tổ 6 - p. Him lam
2	Nguồn tin	Khảo sát	Phạm Anh Đức	Lê Đình Dũng	Nguyễn Nam Hải
3	Mục đích sử dụng	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị
4	Vị trí	Gần trường học, xa chợ, bệnh viện, không tập trung đông dân cư	Xa trường học, chợ, bệnh viện, không tập trung đông dân cư	Xa trường học, bệnh viện, chợ, tập trung đông dân cư	Gần chợ, xa trường học, bệnh viện, tập trung đông dân cư
5	Giao thông	Đường đất 2,5 m	Đường đất 4,5m	Đường đất 2,8m	Đường đất 5m
6	Thời điểm chuyển nhượng		Tháng 12 năm 2018	Tháng 5 năm 2019	Tháng 1 năm 2019
7	Hình dạng	Hình chữ nhật	Hình chữ nhật	Hình chữ nhật	Hình chữ nhật
8	Diện tích, kích thước				
	Diện tích đất (m ²)	500,0	200,0	50,0	50,0
	Mặt tiền (m)	25,0	10,00	5,00	6,00
	Chiều sâu (m)	20,00	20,00	10,00	8,33
9	Tài sản trên đất		Không có	Không có	Không có
10	Tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
11	Các yếu tố hạ tầng				
	Điện - nước sinh hoạt, thoát nước thải	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình

12	Giá trị đất chuyển nhượng thực tế (đồng)	<i>Cần xác định</i>	341.800.000	99.850.000	111.900.000
13	Giá đất chuyển nhượng thực tế (đồng/m²)	<i>Cần xác định</i>	1.709.000	1.997.000	2.238.000

* Phân tích, so sánh, điều chỉnh mức giá do các yếu tố khác biệt của các thửa đất so sánh với thửa đất cần định giá:

- Kết quả điều tra cho thấy thửa đất cần định giá và 3 thửa đất so sánh có 2 yếu tố giống nhau (Cùng mục đích sử dụng, không có tài sản trên đất); có 4 yếu tố khác biệt (Vị trí, diện tích kích thước, giao thông, yếu tố hạ tầng)

- Điều chỉnh mức giá do các yếu tố khác biệt của các thửa đất so sánh với thửa đất cần định giá.

+ Yếu tố vị trí:

Thửa đất cần định giá A gần trường học, xa chợ, bệnh viện, không tập trung đông dân cư là 100%; Thửa đất so sánh B xa trường học, chợ, bệnh viện, tập trung đông dân cư ngang bằng thửa đất A; Thửa đất so sánh C xa trường học, bệnh viện, gần chợ, tập trung đông dân cư hơn thửa đất A là 10%; Thửa đất so sánh D gần chợ, trường học, xa bệnh viện, tập trung đông dân cư hơn thửa đất A là 15%;

Giá của thửa đất A, B là 100% thì thửa đất C là 110% và thửa đất D là 115%;

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất C:

$$\frac{100\% - 110\%}{110\%} = -9,09\%$$

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất D:

$$\frac{100\% - 115\%}{115\%} = -13,04\%$$

+ Yếu tố giao thông:

Thửa đất cần định giá A bám mặt đường đất 2,5m là 100%; Thửa đất so sánh B tiếp giáp đường đất 4,5m hơn thửa đất A là 10%; Thửa đất so sánh C bám mặt đường đất 2,8 m hơn thửa đất A là 3%; Thửa đất so sánh D bám mặt đường đất 5m hơn thửa đất A là 13%;

Giá của thửa đất A là 100% thì của thửa đất B là 110%, của thửa đất so sánh C là 103%, của thửa đất so sánh D là 113%;

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất B:

$$\frac{100\% - 110\%}{110\%} = -9,09\%$$

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất C là:

$$\frac{100\% - 103\%}{103\%} = -2,91\%$$

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất D là:

$$\frac{100\% - 113\%}{113\%} = -11,05\%$$

+ Yếu tố diện tích kích thước:

Thửa đất cần định giá A có kích thước mặt tiền là 25m là 100%; Thửa đất so sánh B có kích thước mặt tiền là 10m kém thửa đất A là 15%; Thửa đất so sánh C có kích thước mặt tiền là 5m kém thửa đất A là 20%; Thửa đất so sánh D có kích thước mặt tiền là 6m kém thửa đất A là 19%;

Thửa đất cần định giá A có chiều sâu là 20m là 100%, thửa đất so sánh B có chiều sâu là 20m ngang bằng thửa đất A, thửa đất so sánh C có chiều sâu là 10m hơn thửa đất A là 10%, thửa đất so sánh D có chiều sâu là 8,33m hơn thửa đất A là 12%;

Giá của thửa đất A là 100% thì của thửa đất B là 85%, thửa đất C là 90%, thửa đất D là 93%;

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất B là:

$$\frac{100\% - 85\%}{85\%} = 17,65\%$$

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất C là:

$$\frac{100\% - 90\%}{90\%} = 11,11\%$$

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất D là:

$$\frac{100\% - 93\%}{93\%} = 7,53\%$$

+ Yếu tố hạ tầng:

Thửa đất cần định giá A có cos cao từ 4m đến 6m là 100%; Thửa đất so sánh B, thửa đất so sánh C và thửa đất so sánh D có cos bằng phẳng hơn thửa đất A là 25%

Giá của thửa đất A là 100% thì của thửa đất B, thửa đất C, thửa đất D là 125%;

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất B, C, D là:

$$\frac{100\% - 125\%}{125\%} = -20,00\%$$

-Ước tính giá đất của thửa đất cần định giá:

TT	YẾU TỐ SO SÁNH	Thửa đất cần định giá A	Thửa đất SS B	Thửa đất SS C	Thửa đất SS D
1	Diện tích (m ²)	500,0	200,0	50,0	50,0
2	Giá trị đất chuyển nhượng đưa về tại thời điểm xác định tháng 12 năm 2019 (đồng)	Cần xác định	341.800.000	99.850.000	111.900.000
3	Giá đất chuyển nhượng đưa về tại thời điểm xác định tháng 12 năm 2019 (đồng/m ²)	Cần xác định	1.709.000	1.997.000	2.238.000
4	Điều chỉnh các yếu tố so sánh				
4.1	Vị trí	Gần trường học, xa chợ, bệnh viện, không tập trung đông dân cư	Xa trường học, chợ, bệnh viện, tập trung đông dân cư	Xa trường học, bệnh viện, gần chợ, tập trung đông dân cư	Gần chợ, trường học, xa bệnh viện, tập trung đông dân cư
	Tỷ lệ	100%	100%	110%	115%
	Tỷ lệ điều chỉnh (%)		0,00%	-9,09%	-13,04%
	Mức điều chỉnh (đồng/m ²)		0,00	-181.545	-291.913
4.2	Giao thông	Đường đất 2,5 m	Đường đất 4,5m	Đường đất 2,8m	Đường đất 5m
	Tỷ lệ	100%	110%	103%	113%
	Tỷ lệ điều chỉnh (%)		-9,09%	-2,91%	-11,50%
	Mức điều chỉnh (đồng/m ²)		-155.363,64	-58.165,05	-257.469,03

4.3	Hình dáng	Hình chữ nhật	Hình chữ nhật	Hình chữ nhật	Hình chữ nhật
	Tỷ lệ	100%	100%	100%	100%
	Tỷ lệ điều chỉnh (%)		0,00%	0,00%	0,00%
	Mức điều chỉnh (đồng/m ²)		0,00	0,00	0,00
4.4	Diện tích, kích thước	500,0	200,0	50,0	50,0
	Mặt tiền (m)	25,00	10,00	5,00	6,00
	Chiều sâu (m)	20,00	20,00	10,00	8,33
	Tỷ lệ	100%	85%	90%	93%
	Tỷ lệ điều chỉnh (%)		17,65%	11,11%	7,53%
	Mức điều chỉnh (đồng/m ²)		301.588,24	221.888,89	168.451,61
4.5	Yếu tố hạ tầng				
	Nền, cos	Có cos cao từ 4-6m	Có cos bằng phẳng	Có cos bằng phẳng	Có cos bằng phẳng
	Điện - nước sinh hoạt, thoát nước thải	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình
	Tỷ lệ	100%	125%	125%	125%
	Tỷ lệ điều chỉnh (%)		-20,00%	-20,00%	-20,00%
	Mức điều chỉnh (đồng/m ²)		-341.800,00	-399.400,00	-447.600,00
	Giá đất ước tính của thửa đất cần định giá theo từng thửa đất so sánh (đồng/m²)	1.500.891	1.513.425	1.579.778	1.409.470
	Tỷ lệ điều chỉnh chung (%)		-0,83%	-4,99%	6,49%
	Giá đất lấy tròn (đồng/m ²)	1.500.000			

- Xác định mức giá của thửa đất cần định giá:

$$\text{Giá đất của thửa đất cần định giá} = \frac{1.513.425 + 1.579.778 + 1.409.470}{3} = 1.500.891$$

Tỷ lệ chênh lệch giữa thửa đất A với giá đất ước tính lần lượt là -0,83%,-4,99%, 6,49%; Giá đất của thửa đất A bảo đảm chênh lệch với các giá đất ước tính không quá 10%.

Kết luận: Giá đất cụ thể của thửa đất cần định giá A là 1.500.000 đồng/m².

b) Đối với đất nông nghiệp.

Bằng phương pháp thu nhập xác định được giá đất nông nghiệp của dự án. Riêng đối với đất nông nghiệp khác căn cứ vào bảng 5 của phụ lục 3 tại Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên (=80% đất bằng trồng cây hàng năm khác)

So sánh giá đất điều tra với giá đất quy định trong bảng giá đất của tỉnh ban hành tại Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên:

TT	Loại đất	Giá đất cụ thể (1.000 đồng/m ²)	Giá đất của UBND tỉnh quy định (1.000 đồng/m ²)	So sánh giá đất cụ thể với giá đất của UBND tỉnh quy định (5=3/4%)
1	2	3	4	5
I	Đất ở đô thị phường Him Lam			
1	Đường đất dưới 3m	1.500	980	153
II	Đất nông nghiệp phường Him Lam			
1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác, vị trí 1	72	58	124
2	Đất trồng cây lâu năm, vị trí 1	84	68	124
3	Đất rừng sản xuất, vị trí 1	9	7	129
4	Đất nông nghiệp khác, vị trí 1	57,6	46,4	124

5.2. Đề xuất phương án giá đất cụ thể

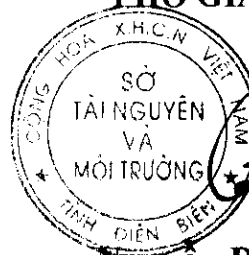
- Đất ở tại đô thị: Đường đất dưới 3m, vị trí 1: 1.500.000 đồng/m²;
- Đất bằng trồng cây hàng năm khác, vị trí 1: 72.000 đồng/m²;
- Đất trồng cây lâu năm, vị trí 1: 84.000 đồng/m²;
- Đất nông nghiệp khác, vị trí 1: 57.600 đồng/m²;
- Đất rừng sản xuất, vị trí 1: 9.000 đồng/m²;

6. Đánh giá tác động về kinh tế - xã hội của phương án giá đất

Giá đất cụ thể đề nghị tương đối phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương nơi có đất bị thu hồi, đảm bảo hài hòa lợi ích của người sử dụng đất, nhà nước và nhà đầu tư.

Sở Tài nguyên và Môi trường trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh./.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đăng Nam

Số: /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày tháng 12 năm 2019

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng mở rộng trạm cấp nước nhà máy nước thành phố Điện Biên Phủ công suất 20.000m³/ngày đêm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 1 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất;

Quyết định số 268/QĐ-CT ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng mở rộng trạm cấp nước nhà máy nước TP Điện Biên Phủ công suất 20.000m³/ngày đêm;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-STNMT ngày tháng 12 năm 2019 và Thông báo số /TB-HĐTĐGD ngày tháng 12 năm 2019 của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng mở rộng trạm cấp nước nhà máy nước thành phố Điện Biên Phủ công suất 20.000m³/ngày đêm, như sau:

- Đất ở tại đô thị: Đường đất dưới 3m, vị trí 1: 1.500.000 đồng/m²;
- Đất bằng trồng cây hàng năm khác, vị trí 1: 72.000 đồng/m²;

- Đất trồng cây lâu năm, vị trí 1: 84.000 đồng/m²;
- Đất nông nghiệp khác, vị trí 1: 57.600 đồng/m²;
- Đất rừng sản xuất, vị trí 1: 9.000 đồng/m²;

Điều 2: Căn cứ giá đất cụ thể được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này UBND thành phố Điện Biên Phủ có trách nhiệm phối hợp với các sở ngành, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**